

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

"V/v: Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Tán Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn G, xã H, huyện Hh, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Ông Phan Xuân T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà Trần Thị Thu H và ông Phan Xuân T kết hôn vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại thôn Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T tính tình gia trưởng, nhiều năm nay thường xuyên chửi mắng vợ con, nhiều lần đánh bà H thương tích đầy người, thậm chí cầm dao đe dọa đòi giết bà, bóp cổ con. Vợ chồng bà từ lâu đã

không còn tình cảm, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bà H cũng đã nộp đơn ly hôn 02 lần và được Toà án động viên đoàn tụ để vợ chồng có cơ hội làm lại cuộc sống, xây dựng hạnh phúc, trước sự chứng kiến của Thẩm phán ông T hứa hẹn sẽ thay đổi, bà cố gắng cho ông T thêm cơ hội nên bà đã rút đơn, tuy nhiên khi vừa ra khỏi Toà án thì ông T trở mặt gây sự, về đến nhà liên tục đánh bà, đập phá đồ trong nhà, mỗi lần đánh đều rút hết camera giám sát trong nhà, bà trình báo công an xã H về hành vi của ông T tuy nhiên ông T cho rằng ông đập phá đồ trong nhà thì ông mua sắm lại nên công an không lập biên bản giải quyết. Mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng gay gắt không thể hoà giải, ông T ngày càng thủ đoạn và hung hăng, uy hiếp mẹ con bà cả về tinh thần và thể xác nên bà yêu cầu Toà án nhanh chóng giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan Xuân T.

Về quan hệ con chung: Bà H xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Tiến H, sinh ngày 22/01/2002 và Phan Tiến D, sinh ngày 22/7/2008. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phan Tiến D, thu nhập mỗi tháng của ông T từ nghề trang trí nội thất, nuôi cá cảnh bán và lấy thu nhập từ nhà nghỉ của hai vợ chồng khoảng trên dưới 20.000.000đ tùy theo tháng nên bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng con Phan Tiến H đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Xuân T có văn bản trình bày: Ông và bà Trần Thị Thu H kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T xác định vợ chồng có 02 con chung như bà H trình bày, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Toà án giải quyết, trường hợp Toà án cho ly hôn thì ông giao con Phan Tiến D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Phan Tiến H, sinh ngày 22/01/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T xác định vợ chồng tự thoả thuận.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Bị đơn ông Phan Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Thắng đều vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 bản sao trích lục kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh và căn cước của con; 02 bản sao căn cước công dân của bà H và ông T; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, con chung; Biên bản lấy lời khai nguyên đơn; 01 Quyết định đình chỉ số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Hoà Vang; 02 Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, xử cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn ông Phan Xuân T, giao con Phan Tiến D, sinh ngày 22/7/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Con chung Phan Tiến H, sinh ngày 22/01/2002, đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm bà H, ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn ông Phan Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Trần Thị Thu H và ông Phan Xuân T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có tính tình gia trưởng, nhiều năm nay thường xuyên chửi mắng vợ con, nhiều lần đánh bà H thương tích đầy người, thậm chí cầm dao đe dọa đòi giết bà, bóp cổ con. Vợ chồng bà từ lâu đã không còn tình cảm, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà H, ông T có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng gây gổ đánh nhau ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, bà H có trình báo Công an xã giải quyết, chính quyền đã đến nhà nhắc nhở ông bà nhưng không lập biên bản do ông T bỏ đi khỏi nhà. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông T đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng và xử cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn ông Phan Xuân T.

[3] Về con chung: Bà H và ông xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Tiến H, sinh ngày 22/01/2002 và Phan Tiến D, sinh ngày 22/7/2008. Xét thấy, Phan Tiến H đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết, đối với con Phan Tiến D có nguyện vọng được sống cùng mẹ đồng thời cả ông T và bà H cũng đề nghị giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX giao con Phan Tiến D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ và cung cấp thông tin ông Phan Xuân T có thu nhập ổn định từ nghề trang trí nội thất, nuôi cá cảnh bán và lấy thu nhập từ nhà nghỉ của hai vợ chồng nên HĐX buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung: Bà H, ông T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H, ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Thu H phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan Xuân T phải chịu.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với ông Phan Xuân T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn ông Phan Xuân T.

Về con chung: Giao con chung tên là Phan Tiến D, sinh ngày 22/7/2008 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Xuân T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Thu H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà H đã nộp tại biên lai thu số 0000884 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí. Án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan Xuân T phải chịu.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/4/2024. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; (GCNKH số 20/2001)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Huỳnh Thị Thu Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND xã Điện Thắng Trung, tx. Điện Bàn, QN;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn